

# HIỆN TƯỢNG TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN THỜI TRẦN- NHÌN TỪ NGUỒN GỐC VÀ NHỮNG PHƯƠNG DIỆN BIỂU HIỆN

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh<sup>1</sup>

**Tóm tắt:** Lần lại lịch sử đã qua, bài viết tập trung nghiên cứu về một hiện tượng nổi trội nhất trong đời sống văn hóa – tư tưởng thời Trần: Đó là hiện tượng Tam giáo đồng nguyên (hay là sự dung hợp nhuần nhuyễn giữa 3 tôn giáo: Nho – Phật – Đạo thời bấy giờ). Bằng cái nhìn đa chiều, dựa trên những đặc thù tư tưởng, tâm lý – xã hội lẫn đời sống chính trị - kinh tế - văn hóa đương thời, người viết đã đi sâu khám phá nguồn gốc, thực chất cũng như các phương diện biểu hiện cơ bản của hiện tượng văn hóa đặc sắc này, từ đây ngõ hầu cắt nghĩa được ngọn nguồn làm nên sức mạnh của dân tộc trong một thời đại được đánh giá là thịnh đạt bậc nhất của lịch sử phong kiến Việt Nam.

**Từ khóa:** Nhà Trần, Tam giáo, Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo, Văn hóa

## 1. Mở đầu

Khác với nhiều nước phương Tây, ở Việt Nam không có sự thống trị độc tôn của bất kỳ một tôn giáo nào trong suốt chiều dài lịch sử. Mặc dù Nho – Phật – Đạo được truyền bá vào Việt Nam ở những thời điểm khác nhau và bắt nguồn từ các quốc gia khác nhau nhưng chúng vẫn cùng tồn tại và phát triển bên nhau, chung sống hòa bình với nhau và với các tín ngưỡng bản địa vốn có. Tinh thần khoan dung đó chính là một trong những đặc trưng ưu mỹ nhất của nền văn hóa Việt. Dưới thời Trần, do đặc thù của bối cảnh lịch sử cụ thể mà tinh thần khoan dung tôn giáo ấy càng trở nên đậm nét hơn bao giờ hết. Cùng với sự hưng thịnh của Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo thời Trần cũng không ngừng phát triển, ngày càng khẳng định rõ nét vị thế, vai trò của mình trên nhiều phương diện của đời sống chính trị - văn hóa - xã hội.

## 2. Nội dung

### 2.1. Vài nét về Nho – Phật – Đạo thời Trần

Dưới thời Trần, Phật giáo chiếm địa vị chủ đạo trong đời sống xã hội, có ảnh hưởng lớn đến đời sống tâm linh, văn hoá của dân tộc. Với giáo lý Ngũ giới và Thập thiện, trong đó nhấn mạnh đến tư tưởng bình đẳng, từ bi bác ái, Phật giáo ngay từ khi mới du nhập vào Việt Nam đã được sự đón nhận nồng nhiệt của quần chúng nhân dân. Đến thời Trần, Phật giáo không chỉ ảnh hưởng sâu rộng trong quần chúng nhân dân mà còn được sự tôn sùng của vua quan, quý tộc. Bấy giờ “phân nửa thiên hạ đi tu” (Lê Quát). Hơn thế, chùa chiền mọc lên khắp nơi. Những ngôi chùa bấy giờ đã trở thành không gian thiêng liêng

---

1 Tiến sĩ, giảng viên khoa Việt Nam học, Đại học Sư phạm Hà Nội

mà rất gần gũi với mỗi người dân Đại Việt, “đất vua, chùa làng, phong cảnh Bụt”. Đất thì đất của vua, nhưng mọi hoạt động đều dưới sự coi sóc của các vị sư trong chùa. Đây đồng thời cũng là những tri thức Nho học, những người có uy tín và được nhân dân nể trọng. Trong cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên của dân tộc, các vị sư cũng là nguồn cổ vũ, động viên tinh thần rất lớn cho vua quan và quần chúng đứng lên giành lại hòa bình cho đất nước, an lạc cho muôn dân.

Hơn thế, thời kỳ này còn được gọi là thời kỳ “Phật giáo nhất tông, tức là thời đại của một phái Phật giáo duy nhất” [1;tr.205]. Nếu như trước thời Trần, ở nước ta tồn tại ba Thiền phái là Ty ni đa lưu chi, Vô Ngôn Thông và thiền phái Thảo Đường, thì đến thời Trần, đứng trước nhu cầu thống nhất hệ tư tưởng, cùng với việc lựa chọn Phật giáo làm trục trung tâm, Thiền học cũng dần đi đến chỗ thống nhất để trở thành một Thiền phái duy nhất: Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Đây thực sự là một dòng Thiền Đại Việt mang đậm dấu ấn dân tộc. Các Thiền sư của trường phái Trúc Lâm một mặt đề cao tính Thiền, một mặt đưa ra quan điểm Phật giáo nhập thế. Các Ngài đã vượt ra ngoài lợi danh, tài sắc để hoà nhập vào cuộc sống bằng những hành động thiết thực nhằm mang an lạc, hạnh phúc cho nhân dân. Chính vua Trần Nhân Tông – ông tổ của Thiền phái Trúc Lâm đã đề xuất phương châm “Cư trần lạc đạo” [3;tr.505-510], tức là sống giữa cõi trần hãy tùy duyên mà vui với đạo. Với ông, điều quan trọng của tu thiền không nằm ở chỗ: phải sống trong rừng núi hay thành thị, phải dứt bỏ mọi phiền lụy của cuộc đời hay cứ dán thân vào thế tục, mà thiết yếu là làm sao giác ngộ được chân lý. Nếu giác ngộ chân lý mà thực hiện được ngay giữa cuộc đời, gắn liền sự ngộ đạo với việc thực hiện nghĩa vụ thiêng liêng của quốc gia, dân tộc thì đối với ông, đó là điều quý giá nhất [3;tr.505-510]. Đây cũng chính là cảm thức nhập thế của dòng Phật Đại Việt mang đậm dấu ấn dân tộc lúc bấy giờ. Dù rằng, việc thống nhất các tông phái và sự ra đời của thiền phái Trúc Lâm dưới triều Trần mang sắc màu chính trị khi nó hướng đến mục tiêu quan trọng là khẳng định sự thống nhất về tư tưởng, thì đối với Thiền học, đây vẫn là minh chứng sinh động cho sự phát triển đến đỉnh cao của nó trong lịch sử dân tộc.

Trong khi đó, mặc dù chưa trở thành ý thức hệ chính thống của nhà nước trung ương nhưng do yêu cầu củng cố chế độ phong kiến và sự phát triển của giáo dục- khoa cử, Nho giáo với tư tưởng bảo vệ sự liên kết gia đình, dòng họ, bảo vệ sự liên kết giữa cá nhân và xã hội xung quanh triều đình, đảm bảo sự phân chia đẳng cấp xã hội trên nền tảng đạo đức, luân lý, chính trị, đã dần khẳng định ưu thế của mình trong việc tổ chức bộ máy nhà nước, quản lý xã hội và thâm nhập ngày càng sâu rộng trong quần chúng nhân dân. Lúc bấy giờ, giáo dục Nho học giữ vị trí chủ đạo trong nền giáo dục đất nước, lan xuống tận các làng xã địa phương. Tầng lớp nho sĩ cũng ngày một đông đảo và giữ vai trò quan trọng trong các công việc chính trị của đất nước, phân đấu cho lý tưởng của Nho giáo. Chính Trần Quốc Tuấn trong “Hịch Tướng sĩ” đã khẳng định vận mệnh của bậc anh hùng Nho giáo rằng: *“Từ xưa các bậc trung thân nghĩa sĩ, bỏ mình vì nước, đời nào chẳng có? Ví thử mấy người đó cứ khur khur theo thói nư thường tình thì cũng đến chết hoai ở xó*

*của, sao có thể lưu danh sử sách cùng trời đất muôn đời bất hủ được”. Tư tưởng “trung quân ái quốc” ấy cũng được thấm nhuần trong quan quân thời Trần lúc bấy giờ như Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu.... Lời thề “Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, thần minh giết chết” phổ biến ở bá quan văn võ trong triều đã phản ánh sức ảnh hưởng ngày càng lớn của Nho giáo trong việc củng cố trật tự xã hội phong kiến đương thời.*

Cùng với Nho giáo, Đạo giáo lúc đầu theo chân người Trung Quốc xâm lược truyền vào Việt Nam. Người Việt Nam có tín ngưỡng đa thần giáo, cho nên ngay sau khi thâm nhập vào đất Việt, Đạo giáo đã kết hợp chặt chẽ các yếu tố Mật tông của Phật giáo cùng các tín ngưỡng bản địa để phát huy tác dụng trong đời sống tâm linh của người dân. Giáo lý Đạo giáo chủ yếu dựa vào tư tưởng Lão – Trang, tuy nhiên tư tưởng Lão - Trang thời này chưa thực sự có sức ảnh hưởng mạnh mẽ, mà ngược lại trường phái tu tiên lại có điều kiện phát triển hơn. Bấy giờ, các đạo trưởng tu tiên đi du hành khắp nơi, triển khai quyền năng, chữa bệnh cứu người tạo nên các kì tích trong dân gian. Do đó, cũng như thời Lý, dưới thời Trần, các đạo tràng, các đền thờ Tiên mọc nhiều ở các vùng sơn cước. Thậm chí, ngay những vị vua nhà Trần cũng nhiều lần cho lập đền, dựng đàn cầu đảo mưa, giải hạn... Nhiều bậc đại thần như Trần Nhật Duật cũng tỏ ra ưa thích và thông hiểu kinh điển Đạo giáo. Đến cuối thời Trần, Đạo giáo còn được sử dụng vào mục đích chính trị, như trường hợp Hồ Quý Ly cho mời đạo sĩ vào cung ép Thuận Tông nhường ngôi cho con và tự xưng là Thái Nguyên Quân Hoàng Đế [5;tr.68]... Dù có cơ sở vững chắc trong dân gian và triều đình nhưng nhìn chung mức độ chi phối về mặt tư tưởng của Đạo giáo thời Trần vẫn còn rất hạn chế.

## **2.2. Cơ sở của sự phát triển tư tưởng Tam giáo đồng nguyên thời Trần**

Rõ ràng, mỗi tôn giáo đều có những nét đặc thù riêng của nó. Song, không như ở các nước phương Tây, Đại Việt lúc này không có hiện tượng độc tôn tôn giáo. Mặc dù các nhà tư tưởng thời Trần coi *Phật giáo là trục tâm* nhưng đồng thời cũng dung hợp những yếu tố khả dụng trong Phật giáo, Đạo giáo để tạo nên hiện tượng Tam giáo đồng nguyên đặc sắc thời bấy giờ. Tuy Tam giáo đồng nguyên là một quan niệm vốn có từ lâu ở Trung Quốc và quan niệm ấy cũng không phải đến đời Trần mới được truyền vào nước ta<sup>1</sup> nhưng không triều đại nào, tư tưởng Tam giáo đồng nguyên ấy lại phát triển và được vận dụng sinh động, toàn diện trong thực tiễn đời sống như thời Trần. Đây không phải là bản sao “Tam giáo đồng nguyên” của Trung Quốc mà thực sự là sản phẩm bản địa dựa trên hoàn cảnh lịch sử, văn hóa và xã hội đặc thù của Đại Việt lúc này.

Không phải ngẫu nhiên mà chúng ta khẳng định rằng: Tinh thần khoan hòa văn hóa là đặc trưng ưu trội nhất trong hệ giá trị văn hóa Việt từ xưa đến nay. Không phải chỉ Việt Nam mới có tinh thần khoan hòa văn hóa, song không phải ở nơi đâu tinh thần ấy cũng thấm đẫm dạt dào như ở Việt Nam. Với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, mỗi khi bất tay

1. Ngay từ thời Lý, vua Lý đã mở khoa thi Tam giáo để chọn người tài trong Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo.

làm nông nghiệp, người dân Việt luôn phải một lúc chống chọi với rất nhiều yếu tố khác nhau như: thời tiết, nước, đất, phân, giống... Phải làm sao giải quyết một cách hài hòa tất cả các yếu tố trên để phát triển nông nghiệp luôn là mối trăn trở trong tiềm thức của mỗi người. Từ đây, *lối tư duy biện chứng với triết lý âm dương và một lối sống quân bình ưa hướng đến sự hài hòa trong con người Việt* dần hình thành. Tính hài hòa đó được biểu hiện ra trên phương diện tâm linh chính là sự hòa nhập để cùng tồn tại hòa bình giữa các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau trên cùng một phạm vi lãnh thổ. Đó cũng là cơ sở tâm lý – xã hội cho sự dung nạp tôn giáo thời kì này.

Hơn thế, nếu nhìn sâu hơn vào bản chất của Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo thời Trần thì chúng ta sẽ dễ dàng tìm thấy trong cốt lõi của mỗi tôn giáo ấy những nét chung cơ yếu. Dù đó là Phật giáo, Nho giáo hay Đạo giáo thì tất cả đều được khởi phát từ nhu cầu tâm linh không thể thiếu vắng của con người và hướng đến cái đích cuối cùng là góp phần giải phóng con người, mang lại an lạc cho nhân dân và ổn định cho xã hội, hướng con người tới cái Thiện. Chính mẫu số chung ấy là chất keo gắn kết các tôn giáo này lại gần nhau và quyện hòa thành một thể tâm linh thống nhất trên nền sống dân tộc – một dân tộc dày dặn những trải nghiệm của tinh thần khoan hòa văn hóa từ xa xưa.

Dù thời kì này là thời kì phát triển hưng thịnh bậc nhất của Phật giáo, Phật giáo đóng vai trò trung tâm trong đời sống tư tưởng, song xét từ bản chất giáo lý cho đến cách thức truyền bá giáo lý, Phật giáo, đặc biệt là Thiền phái Trúc Lâm lại là một tư tưởng mở đây khai phóng, không lấy sự kỳ thị và cưỡng chế làm cứu cánh mà hòa đồng với các tôn giáo khác miễn sao mang lại lợi lạc cho dân – nước. Vì thế, các nhà tu hành thời Trần có thái độ sống cởi mở, phá chấp, sẵn sàng nhập thế mà không trụ thế và mối quan hệ cộng hưởng giữa Phật giáo với Đạo giáo và Nho giáo thời bấy giờ vì vậy cũng diễn ra một cách tự nhiên, không chịu sự chi phối của thế lực xã hội nào.

Không những thế, các sách kinh dịch Phật giáo phần nhiều đã dịch sang Hán văn, vì vậy muốn học kinh Phật, các nhà sư phải uyên thâm Hán học và thành thục chữ Hán. Hay nói cách khác, Hán tự chính là phương tiện truyền bá giáo lý Phật giáo lúc bấy giờ. Chính vua Trần Thái Tông khi luận bàn với Lục tổ Huệ Năng đã khẳng định điều này: “Cổ Lục tổ hữu vân: Tiên đại thánh nhân dĩ đại sư vô biệt. Tắc tri ngã Phật chi giáo, hữu giả tiên thánh dĩ truyền ư thế dã” (cho nên Lục tổ có nói: bậc đại thánh và đại sư đời trước không khác gì nhau. Như thế là đại giáo của Đức Phật ta phải nhờ tiên thánh mà truyền lại cho đời)” [3;tr.26].

Bên cạnh đó, quan điểm chính trị cởi mở của nhà nước thời Trần cũng là một trong những điều kiện quan trọng cho sự dung hợp và phát triển đồng thời cả ba tôn giáo Nho – Phật – Đạo. Lúc bấy giờ, do bản lĩnh và sự dũng cảm trước yêu cầu của lịch sử, các vị vua thời Trần đã không chủ trương kì thị tôn giáo mà đưa các hệ thống giáo lý vốn khác nhau xích lại gần nhau nhằm cố kết lòng dân, ổn định tâm lý xã hội. Dù Phật giáo lúc này nắm giữ vai trò chủ cán trong đời sống tư tưởng của xã hội, ảnh hưởng sâu sắc từ vua quan đến dân chúng, song xét đến cùng thì Phật giáo không phải là một học thuyết

chính trị - xã hội có thể đưa ra hệ thống lý luận về xây dựng nhà nước và xác lập được các thiết chế xã hội phong kiến đang đặt ra bức thiết đối với triều Trần lúc này. Do vậy, ngoài Phật giáo nắm giữ phần “đạo”, nhà Trần còn rất cần những học thuyết khác như Nho giáo. Trong khi Nho học mới bước đầu phát triển thì dưới thời Lý – Trần, triều đình buộc phải sử dụng các bậc thiên sư để làm thay những công việc của các nhà Nho. Điều này cũng đồng nghĩa với việc Phật giáo (hay Thiên học) thời Trần phải tự điều chỉnh và dung hợp với tư tưởng Nho giáo nhằm giải quyết những nhu cầu có tính thời sự đang đặt ra cho đất nước. Từ đây, nó đã làm nên đặc trưng dung hợp theo kiểu chính phụ, “dĩ Nho nhập Thích” [4;tr.423] hay “nội Nho ngoại Phật” của hiện tượng Tam giáo đồng nguyên thời Trần.

### **2.3. Biểu hiện của sự dung hợp Nho – Phật – Đạo thời Trần**

Mặc dù mỗi tôn giáo đều có hệ thống giáo lý khác nhau nhưng mục đích chung đều hướng con người đến cái thiện. Phật giáo và Nho giáo cũng vậy. Trong khi nhiều nhà Nho thường mộ đạo Phật thì nhiều nhà sư lại nhập thế giúp dân, giúp nước. Điều này ngay từ thời Lý đã tồn tại khá phổ biến. Tuy nhiên, đến thời Trần thì thấy rõ nét hơn sự liên hệ chặt chẽ giữa quan niệm ấy và thực tế xây dựng nhà nước phong kiến. Theo đó, việc dung hòa giữa Phật giáo và Nho giáo thời Trần có xu hướng uốn Phật giáo theo Nho giáo [8;tr.78]. Về điều này, Trần Thái Tông trong bài tựa sách *Thiền tông chỉ nam* đã viết: “... Đạo Phật không chia nam bắc đều có thể tu cầu, tính người hiền ngu, cũng đều được giác ngộ. Cho nên: cái phương tiện để mở lòng mê muội, cái đường lối soi rõ sống chết, chính là đại giáo của Đức Phật; giữ cân cân để làm mức cho hậu thế, nêu khuôn phép cho tương lai là trách nhiệm nặng nề của Tiên Thánh vậy... Thế mới biết giáo hóa của Đức Phật lại cần phải có Tiên Thánh mới có thể truyền về đời sau vậy. Trẫm ngày nay há chẳng nên lấy trách nhiệm của Tiên Thánh làm trách nhiệm của mình, giáo hóa của Phật tổ làm giáo hóa của mình hay sao?”[3;tr.26-27]. Vậy là, tuy rằng Phật Tổ và Tiên Thánh đều giáo hóa người đời nhưng giữa hai giáo lý vẫn có sự phân chia ranh giới: Nếu như tư tưởng của Đức Thánh cần thiết cho sự duy trì trật tự của xã hội thì giáo lý của Đức Phật lại cần thiết cho sự giải thoát tâm linh con người. Tuy phân biệt vậy nhưng cả hai lại cùng tồn tại, dựa vào nhau để điều hòa, bổ khuyết cho nhau. Trong khi Nho phải nhờ Phật để phát triển, chính trị cần sự giúp đỡ của tôn giáo thì ngược lại, Phật cũng nhờ Nho, nhờ đến phương tiện vật chất dồi dào của chính quyền để hoàng dương Phật pháp. Thiết nghĩ, đây là sự tương trợ cần thiết cho một đất nước độc lập đang trên đà phát triển như nhà Trần.

Cũng chính sự dung hợp Phật – Nho ấy mà dễ hiểu được tại sao nhiều người xuất thân từ Nho học nhưng đến khi tuổi già, lòng lại hướng về Phật, về Thiên. Thậm chí, nhiều nhà Nho từng lên án mặt trái của sự phát triển Phật giáo như gieo rắc điều mê tín dị đoan, không chịu giữ gìn giới răn... nhưng cuối đời chính họ lại vào chùa sống cuộc đời thanh đạm và sáng tác nên nhiều vần thơ đầy ý vị Thiên đạo. Tiêu biểu trong số đó phải kể đến Trương Hán Siêu, Phạm Sư Mạnh với *Cam Lộ tự, Đấng Dục Thủy sơn lưu đề, Du Phật Tích sơn ngẫu đề* ngợi ca cảnh đẹp già lam, ca ngợi đức độ danh tăng; hay Trần

Nguyên Đán với *Son trung khiến hứng, Ngẫu đề*; Chu Văn An với *Đề Dương công Thủy Hoa đình* ca ngợi tư cách thanh cao của các nhà sư như tư cách của một nhà Nho quân tử sống ẩn dật chịu ảnh hưởng của tư tưởng Lão – Trang... Từ đây làm nảy sinh một dòng thơ mới mà các nhà nghiên cứu gọi là “dòng thơ Thiên thể sự” [9;tr.6].

Sự dung hợp Phật – Nho ấy còn tạo ra những điểm tương đồng rất lí thú trong phương pháp thực hành giáo lý. Trần Thái Tông đã từng đưa ra phương pháp sám hối của nhà Phật chẳng khác nào phép tự tu tự tịnh của Nho gia: “Mỗi ngày ta phải tự xét mình ba lần (Nhất nhật tam tỉnh ngộ thân) mà Khổng Tử đã dạy trong thiên Học Nhi, sách Luận Ngữ. Ở bài Phổ khuyến phát bồ đề tâm, nhà vua cho rằng Khổng Tử, Thích Ca, Lão Tử đều như nhau với những tư tưởng, hoạt động gần nhau, bởi đạo chỉ một mà thôi: Tuy ngôn thân mệnh chi chí trọng, do vị tức trọng ư chí đạo dã. Cố Khổng Tử viết: Triệu văn đạo, tịch tử khả hỷ. Lão Tử viết: Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vị ngô hữu thân. Thế Tôn cầu đạo xả thân cứu hử. Khởi phi tam thánh nhân khinh thân nhi trọng đạo giả tai” [3;tr.61]. Chính sự quyện nhập đến nhuần nhuyễn giữa Phật giáo và Nho giáo thời bấy giờ, đặc biệt là khuynh hướng uốn Phật theo Nho mà Phật giáo trở thành “một tôn giáo mở cửa độc nhất trong các tôn giáo thế giới, không tự khẳng định mình là thật mà phủ định cả Ngã và Pháp, siêu việt cả có lẫn không, mới có thể cống hiến cho dân tộc Việt Nam đất Giao Chỉ cái nhựa sống thiết yếu để hợp nhất các khuynh hướng tư tưởng, tín ngưỡng giao lưu xung khắc thành cái ý thức hệ khai phóng của địa lý đòi hỏi” [9;tr.11]. Sự kết hợp vừa dung nhập vừa điều hoà có phân biệt giữa tư tưởng Nho, Phật thời Trần đã góp phần tạo nên nếp sống cao đẹp của dân tộc.

Là một tôn giáo cởi mở, khoan dung, Phật giáo thời Trần không chỉ dung hòa với Nho giáo mà còn nối kết nhuần nhuyễn với Đạo giáo để cùng chi phối đến đời sống tâm linh của dân tộc. Tuy mỗi tôn giáo đều có những đặc trưng giáo lý riêng song cả Phật giáo và Đạo giáo đều có những điểm chung cơ bản, đặt tiền đề quan trọng cho mỗi dung hợp giữa hai bên. Ví dụ: Cả hai đều chủ trương thờ cúng nhưng không sát sinh; trong việc tu dưỡng thân tâm, Lão và Phật đều nhấn mạnh đến thiên định; giáo lý nhà Phật hướng đến đến việc thanh tịnh tư duy và hành động, kiềm chế dục vọng và tránh xa cuộc sống xa xỉ - điều mà một số đạo sĩ tuy tu luyện “thuật trường sinh” nhưng vẫn rất ưa thích; hay nếu như Phật giáo nói đến linh hồn bất tử và tái sinh về cõi trời thì Đạo giáo cũng tin vào thế giới bất tử ở bên kia hoặc kiếm tìm sự bất tử ở cõi trời... Đặc biệt, quan niệm “Vô vi” trong Đạo giáo xem ra rất gần với “Vạn pháp giai vô” (mọi sự đều là không) của nhà Phật. Ở đây, “vô vi” trong nghĩa nguyên của thuật ngữ không phải là không làm gì mà trái lại, làm bất cứ việc gì thuận theo quy luật tự nhiên. Chính Trần Nhân Tông đã từng đề xuất phương châm “cư trần lạc đạo” [3;tr.505-510], tức là sống giữa cõi trần hãy tùy duyên mà vui với đạo. Đây cũng là sự cụ thể hóa khái niệm vô vi của Lão tử trong bối cảnh lịch sử đầy phức tạp buổi thịnh Trần.

Sự kết hợp giữa Phật giáo và Đạo giáo còn được chứng thực sinh động qua những áng thơ, bài văn mang tư tưởng siêu thoát nửa Phật, nửa Lão - Trang của các bậc Thiên

sur thời bấy giờ. Bài thơ *Phóng cuồng ngâm* của Tuệ Trung Thượng sĩ Trần Tung được xem là một minh chứng tiêu biểu cho sự kết hợp Nho – Phật – Lão đương thời.

Trời đất liếc trông chừ, sao mênh mang!  
 Chông gậy nhờn nhờn chừ, phương ngoài phương!...

... Láng giềng cùng Quy Sơn chừ, hát khúc Thương Lương.  
 Thăm Tào Khê chừ, vái chào Lư thị,  
 Viếng Thạch Đầu chừ, sánh vai Lão Bàng.  
 Vui cái ta vui chừ, Bồ Đại vui,  
 Cuồng cái ta cuồng chừ, Phổ Hoá cuồng!...

[3;tr.505-510]

Ở đây, chúng ta bắt gặp một Trần Tung vừa có chút ngộ của nhà Nho, vừa lại tỉnh tại, nhàn nhã, phóng khoáng, phiêu diêu thoát tục đậm chất Phật, chất Lão của một vị Thiền sư đang ẩn mình giữa thiên nhiên. Có thể nói, với *Phóng Cuồng Ngâm*, ông đã dung hợp được đầy đủ cái tinh thần của Nho giáo với thái độ “dung tác hành, xả tác tàng”, cái yếu chỉ giải thoát của Phật giáo “Phật tức tâm, tâm tức Phật” và cái phóng khoáng “tiêu dao tự tại” của Lão giáo. Sự kết hợp này còn được thể hiện sinh động qua nhiều bài thơ khác của ông như *Phỏng Tăng Điền đại sư, Xuất trần, Tự tại, Giang hồ tự thích, Phúc đường cảnh vật, Thoái cư...*

Bên cạnh đó, thời này cũng nổi tiếng với những bài thơ của nhóm Bích Động – những bài thơ vừa ngợi ca cảnh đẹp thiên nhiên, ngợi ca thú vui nhàn tản, xem thường danh lợi mang ý vị Thiền, vừa lại phiêu diêu đầy phóng khoáng mang ý vị của Đạo giáo. Trong số đó, phải nhắc đến Trần Quang Triều với những bài thơ “thanh thoát, đáng ưa” [11;tr.430], “giàu tình cảm, tinh tế, phóng khoáng tài hoa” [3;tr.608] như *Ngư điếu, Mai thôn phế tự, Hoàng châu đạo thượng tác, Đề gia lâm tự*; Nguyễn Úc với *Xuân nhật thôn cư, Nguyên nhật yết kiến Diên Quang tự, Nguyệt Đàm thượng nhân*; Nguyễn Sưởng với *Phả lại sơn tự, Tiên Du Vạn Phúc tự, Túc Thửu thượng nhân Thiền phòng, Trùng đảo Quỳnh Lâm Bích Động am lưu đề...* [3;tr.760-775].

Thậm chí, rất nhiều nhà Nho nổi tiếng thời bấy giờ cũng mang đậm phong cốt của bậc Thiền sư, Đạo sĩ. Chính danh sĩ tài hoa Chu Văn An đương thời cũng đã để lại những vần thơ tuyệt tác mang đậm dấu ấn của sự dung hợp Phật – Đạo trong con người ông.

Thân nhàn tựa áng mây trời,  
 Gió trắng nửa gôi việc đời nhẹ tênh.  
 Cõi trần xa, cõi Phật thanh,  
 Sân hoa máu đỏ, chim oanh líu lường[4;tr.57]

Không chỉ ảnh hưởng ở tầng lớp trên của xã hội mà sự dung hợp Phật – Đạo còn thể hiện đậm nét trong nhận thức, tư duy của dân gian thời bấy giờ. Những câu chuyện được lưu truyền trong nhân dân mà về sau được chép lại trong *Lĩnh Nam chích quái* đã phản ánh rõ ảnh hưởng sâu sắc của Phật giáo Mật tông hoặc của Đạo giáo phù phép trong

tâm thức dân gian. Trong *Lĩnh Nam chích quái*, có những truyện thần thoại thời cổ như *Truyện họ Hồng Bàng*, *Truyện Tản Viên*, *Truyện Đổng Thiên Vương*...; có những truyện là sự tích thời Bắc thuộc như *Truyện Việt tinh* (Giếng Việt), *Truyện Nam Chiếu*...; cũng có những truyện gắn với nguồn gốc dân tộc Việt như *Truyện họ Hồng Bàng*, *Truyện Ngưu tinh*, *Truyện Hồ tinh*, *Truyện Mộc tinh*...; hay những câu chuyện kể về các phong tục tập quán phổ biến thời Trần như *Truyện bánh chưng*, *Truyện trầu cau*.... Tất cả đều mang tính chất tâm linh huyền bí của Phật giáo Mật tông hay Đạo giáo phù phép đang tồn tại trong dân gian.

Sự dung hợp Tam giáo thời Trần còn được biểu hiện sinh động qua từng con người, từng công trình kiến trúc, điêu khắc – không gian sinh hoạt văn hóa cụ thể, cho đến cả những tác phẩm văn học chữ Hán. *Đại Việt sử ký toàn thư* đã từng chép lại rằng: Dưới đời Trần Minh Tông, Trương Hán Siêu – một Nho sĩ vốn có tiếng “bài Phật” đã được cử làm “Giám tự”<sup>1</sup> ngôi chùa Quỳnh Lâm – một trong những Thiền viện danh tiếng được triều đình tin cậy. Để từ đây, chính không gian Phật giáo nơi này đã khiến tư tưởng của một bậc Nho sĩ như ông có nhiều đổi thay vào những năm cuối đời:

Đời lênh đênh trước khác nay,  
Thân nhân mới biết trước ngày lâm to  
(Dục Thúy Sơn - Trần Văn Giáp dịch)<sup>2</sup>

Hay ngay trên Phật điện chùa Quỳnh Lâm và nhiều chùa chiền, thiền viện khác, bên cạnh bàn thờ Phật, bao giờ cũng có một tòa riêng thờ Mẫu. Không chỉ ở các chùa chiền, tại điện thờ, miếu phủ thời Trần cũng dễ dàng bắt gặp sự dung hợp Tam giáo qua cách thờ phụng. Nếu như ở chùa, Đức Phật Thích Ca ngồi ở vị trí cao nhất thì tại đền miếu, ngôi vị ấy lại dành cho Khổng Tử, tại điện phủ lại dành cho Thánh Thượng Lão Quân hoặc Đức Bà Liễu Hạnh...

### 3. Kết luận

Như vậy, xuất phát từ nhu cầu lựa chọn một hệ tư tưởng cho triều đại mới, các nhà tư tưởng thời Trần trong khi đặt Phật giáo ở trục tâm cũng đồng thời tích hợp những yếu tố khả dụng của Nho – Đạo để làm nên hiện tượng Tam giáo đồng nguyên đặc sắc trong lịch sử. Trong đó, các tôn giáo có sự dung hợp, đan xen lẫn nhau và bổ sung cho nhau để cùng hướng đến nhu cầu xã hội - tâm linh của con người. Từ đây, nó định thành nên sắc diện riêng có của tôn giáo thời Trần, vừa có cái “Duy lý” của Nho giáo lại có cái “Tâm linh” của Phật giáo và có cả cái “Siêu việt” của đạo Lão Trang. Từ sự dung hợp tôn giáo này đến sự dung hợp văn hóa, tư tưởng ắt rằng không xa. Phải chăng đó cũng chính là ngọn nguồn sức mạnh đoàn kết của dân tộc trong suốt thời đại thịnh trị này.

---

1. Chế độ "Giám tự" là dành cho các loại chùa "quốc tự" - chùa công, do nhà nước quản lý.

2. Bài thơ *Dục Thúy Sơn khắc thạch* lấy cảm hứng từ núi Dục Thúy ở Ninh Bình. Bài thơ được khắc bên sườn núi, nay vẫn còn bút tích.



**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Nguyễn Lang (2011), *Việt Nam phật giáo sử luận*, Nxb Văn học.
- [2] Đào Phương Bình, Phạm Tú Châu, Nguyễn Huệ Chi (1977), *Thơ văn Lý – Trần*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Huệ Chi (Chủ biên) (1989), *Thơ văn Lý – Trần*, tập II, quyển Thượng, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Đào Phương Bình, Phạm Đức Duật, Trần Nghĩa (1978), *Thơ văn Lý – Trần*, tập 3, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5] Bùi Thanh Phương, “Mối quan hệ tam giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quốc gia độc lập thời Lý – Trần”, *Tạp chí Triết học*, số 1 (212), tháng 1/2009.
- [6] Trần Ngọc Vương (2010), *Thực thể Việt*, Nxb Tri thức.
- [7] Lê Quý Đôn (1962), *Kiến văn tiểu lục*, Phạm Trọng Điềm dịch, Nxb Sử học, Hà Nội.
- [8] Đinh gia Khánh (chủ biên) (2006), *Văn học Việt Nam (thế kỷ X – nửa đầu thế kỷ XVIII)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [9] Nguyễn Công Lý, “Tinh thần dung hợp tư tưởng Phật – Lão – Nho trong văn học Phật giáo thời Lý – Trần”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2/ 2002.
- [10] Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 2, *Văn tịch chí*, bản dịch, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

**PHENOMENON “THE THREE CO-EXISTING OFFICIAL RELIGIONS” UNDER TRAN DYNASTY VIEWED FROM THE ORIGIN AND EXPRESSION ASPECTS**

NGUYEN THI MY HANH

*Hanoi National University of Education*

**Abstract:** *According to past history, the article focuses on the study of the predominant phenomena of cultural - thoughts life under Tran dynasty that is the three co-existing official religions: Confucianism - Buddhism - Taoism. By multiple perspectives, based on the psychological-social characteristics and political-economic-cultural life of contemporary society, the writer studied the source, nature as well as substantive aspects of this cultural phenomenon in order to explain the source making the power of the nation which is considered the most prosperous age in the history of the Vietnam feudal era.*

**Keywords:** *Tran Dynasty, three religions, Confucianism, Buddhism, Taoism, Culture.*